

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 27/8/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17/5/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST – HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1994, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 26/8/2021;

Nơi cư trú: thôn M, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1989, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 13/8/2021;

Nơi cư trú: thôn M, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Huỳnh Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị và anh H có tự nguyện tìm hiểu. Năm 2010, chị và anh H tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12/9/2012.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Từ đầu năm 2020 đến nay, chị đã về nhà cha, mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng không còn sống chung. Vì vợ chồng mâu thuẫn nên vào cuối năm 2020, chị có gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Sau đó, để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nên chị rút đơn ly hôn. Từ sau khi rút đơn ly hôn đến nay, quan hệ vợ chồng không có tiến triển theo chiều hướng tốt hơn mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và yêu thương nhau đến nay đã 02 năm.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Văn H .

- *Về con chung*: Chị T xác định, vợ chồng có 01 con chung là: Trần Thị Bích Tr, sinh ngày: 27/02/2012; đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu Anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị T xác định, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ tài sản*: Chị T xác định, vợ chồng không có nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba.

- *Về công việc và thu nhập*: Chị T làm công nhân may, thu nhập bình quân mỗi tháng 8.000.000đồng.

- *Về chỗ ở sau ly hôn*: Chị T ở cùng cha, mẹ đẻ tại xã B.

Ý kiến đề nghị lập luận của bị đơn Anh Trần Văn H tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 13/8/2021, như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn H công nhận, anh và Chị Huỳnh Thị T có tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng.

Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống tại nhà cha, mẹ của anh ở thôn M, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; thời gian sống chung từ năm 2010 đến năm 2019, từ đầu năm 2020 đến nay chị T bỏ về nhà cha, mẹ đẻ sống tại thôn Đ, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn: Bất đồng quan điểm sống về công việc làm của chị T; anh khuyên chị T nghỉ làm công nhân về mở trang trại chăn nuôi nhưng chị T không đồng ý. Mặt khác, chị T không muốn ở chung với cha, mẹ chồng nên bỏ về nhà cha, mẹ đẻ sinh sống. Anh nhiều lần khuyên chị T về sống chung nhưng chị không đồng ý.

Vào cuối năm 2020, chị T gửi đơn ly hôn đến Tòa án xin ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án có thông báo cho anh đến làm việc nhưng anh không đến, vì không muốn ly hôn. Sau đó, vợ chồng đoàn tụ nên chị T rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, từ ngày rút đơn ly hôn đến nay, chị T không về sống chung mà vẫn ở nhà cha, mẹ đẻ của chị. Nay anh H xét thấy không đồng ý ly hôn, vì vợ chồng có con chung, anh không muốn con sống không thiếu cha hoặc mẹ.

- *Về con chung*: Anh Trần Văn H công nhận, anh và chị T có 01 con chung là Trần Thị Bích Tr, sinh ngày 27/02/2012, đang sống cùng chị T. Nếu ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp con có nguyện vọng ở với ai thì anh chấp nhận theo nguyện vọng của con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công việc và thu nhập*: Anh H làm nghề tự do, thu nhập và công việc không ổn định.

- *Về chỗ ở sau ly hôn*: Anh H ở cùng cha, mẹ đẻ tại xã B.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung cho Chị Huỳnh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: các đương sự xác định không có nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Chị Huỳnh Thị T và Anh Trần Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị T và Anh Trần Văn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa chị T và anh H là do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống. Vào cuối năm 2020 chị T đã một lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án, sau đó rút lại đơn vì muốn tạo cho vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi chị T rút đơn về chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng anh, chị vẫn không được cải thiện mà càng ngày trầm trọng hơn. Anh, chị đã ly thân từ khoảng đầu năm 2020 đến nay. Trong quá trình Tòa án làm việc và hòa giải, anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nêu trên, phù hợp với lời trình bày của chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Chị Huỳnh Thị T yêu cầu ly hôn Anh Trần Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét ý kiến đề nghị đoàn tụ của anh H là trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Chị Huỳnh Thị T và Anh Trần Văn H có 01 con chung là Trần Thị Bích Tr, sinh ngày 27/02/2012, đang sống cùng chị T. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T và anh H đều có nguyện vọng được nhận nuôi con chung và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Thị Bích Tr (giới tính: Nữ), đang sống chung với chị T. Chị T làm công nhân may có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung hơn anh H. Trong khi đó, anh H là lao động tự do, thu nhập và công việc không ổn định. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Tr do Tòa án tiến hành ghi ý kiến tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2021 thì cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T, nếu chị T và anh H ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định cuộc sống, học tập và tâm lý của cháu Tr, Hội đồng xét xử cần giao cháu Trần Thị Bích Tr cho Chị Huỳnh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu nhận nuôi con của anh H là trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Huỳnh Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

[2.4] *Về tài sản chung:* Chị T và anh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về nghĩa vụ tài sản chung:* Chị T và anh H đều xác định không có nghĩa vụ tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí:* Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chị Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.6] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với Anh Trần Văn H .

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Trần Thị Bích Tr, sinh ngày 27/02/2012 cho Chị Huỳnh Thị T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị T không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

3. *Về tài sản chung:* Chị T và anh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung:* Chị T và anh H đều xác định không có nghĩa vụ tài sản chung, không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0003729, ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. Chị Huỳnh Thị T và Anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

